

Bản án số: 1097/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 22-11-2019
V/v tranh chấp xác định
cha cho con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23/9/2019 về tranh chấp xác định cha cho con.

Do bản án sơ thẩm số 265/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4800/2019/QĐ-PT ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9478/2019/QĐ-PT ngày 06/11/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B** – Sinh năm: 1926

Địa chỉ: phường T, Quận Y, TpHCM.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đàm Thanh S – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị P** - Sinh năm: 1956

Địa chỉ: phường T, Quận Y, TpHCM.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Bùi Văn H (Văn bản ủy quyền số 00007484 lập ngày 06/7/2015 tại Văn phòng Công chứng Tân Thuận).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc B, Luật sư Đào Nhật Quang – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Năm 1950, bà Phạm Thị B kết hôn với ông Nguyễn Văn O. Trong thời gian chung sống, bà B sinh được người con tên Nguyễn Thị P, sau khi sinh bà P được một thời gian ngắn thì bà B và ông O không chung sống với nhau nữa, ông O đã đem bà P đi nơi khác sống.

Đến năm 1958, bà Phạm Thị B chung sống với ông Nguyễn Văn C.

Trong khoảng thời gian từ năm 1958 đến năm 1963, bà B và ông C có 03 người con chung là ông Nguyễn Công Q, ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Bích V.

Năm 1962, bà B nghe tin ông O chết, còn bà P đã được đem cho người khác nuôi, do đó bà B đã tìm kiếm và chuộc bà P về nuôi dưỡng. Từ khi chuộc bà P về cho đến khi bà P trưởng thành đều do một mình bà B nuôi dưỡng, giữa bà P và ông C không có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng gì.

Năm 1963, bà B và ông C lập hôn thú và chỉ khai nhìn ông Nguyễn Công Q, ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Bích V. Do bà P là con riêng của bà B nên ông C không đồng ý khai nhìn bà P là con.

Năm 2000 ông C bị bệnh, năm 2003 ông C chết. Trong thời gian ông C bị bệnh, bà P không hề qua lại thăm hỏi và càng không có việc chăm sóc, phụng dưỡng ông C.

Hiện bà B đang khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đối với di sản thừa kế do ông C để lại với danh nghĩa là con ông C, chứng cứ bà P xuất trình cho Tòa là giấy khai sinh số 142 quyền số 01/2000 đăng ký tại UBND Phường T, Quận Y, TpHCM ngày 23/8/2000. Giấy khai sinh này do bà P tự đi khai, không có sự thừa nhận của bà B và ông C, cũng không hề hay biết việc bà P tự ý đi làm giấy khai sinh kể trên.

Nay, bà Phạm Thị B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bà Nguyễn Thị P không phải là con ông Nguyễn Văn C.

Ngày 31/5/2018, bà B có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy giấy khai sinh số 142 quyền số 01/2000 đăng ký tại UBND Phường T, Quận Y,

TpHCM ngày 23/8/2000. Tại phiên đối chất ngày 06/3/2018 bà B rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung nói trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Cha của bà Nguyễn Thị P là ông Nguyễn Văn C, sinh năm:1923, chết ngày 20/4/2003 có lập khai tử số 22, quyền số 01/2003 do UBND Phường T, Quận Y, TpHCM cấp.

Ông C có các người con: Nguyễn Công T (Nguyen T - C) sinh năm: 1964; Nguyễn Thị P, sinh năm: 1956; Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1951; Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953; Nguyễn Bích Thu E, sinh năm: 1964; Nguyễn Công Q, sinh năm: 1962; Nguyễn Bích Thu V, sinh năm: 1962, Nguyễn Công T (chết).

Tại tờ khai gia đình Quận 10, nhóm 2, liên gia 9, số nhà 384/131 đường Lý Thái Tổ; họ và tên liên gia trưởng: Nguyễn Văn C, số thứ tự thứ 7: Nguyễn Thị P, sinh năm 1956 Gia Định, quan hệ gia đình: con.

Ngoài ra, bà P còn chứng minh được bằng khai sinh cha là ông Nguyễn Văn C mẹ là bà Phạm Thị B.

Sở dĩ, bà Phạm Thị B khởi kiện “Không công nhận cha cho con” vì bà P đã khởi kiện bà B bỏ sót thừa kế , bà P và các thừa kế khác đều là con của ông C.

Giấy khai sinh số 142 quyền số 01/2000 do UBND Phường T, Quận Y, TpHCM cấp ngày 23/8/2000 ghi nhận bà Nguyễn Thị P là con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị B, khai sinh được lập khi ông C còn sống và khai sinh này được lập sau khi bà P xin lục khai sinh trước ngày giải phóng, khai sinh tại Tòa sơ thẩm Sài gòn số hiệu 4479/NĐ ngày 17/8/1966 con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị B không còn lưu trữ nên bà P làm lại khai sinh tại Phường T. Vào thời điểm này, cha là ông Nguyễn Văn C còn sống và ở cùng chung hộ khẩu, đồng ý cho bà P lập khai sinh.

Để chứng minh cho việc làm lại giấy khai sinh, ngày 28/6/2018 bà P đến Sở Tư Pháp để xin trích lục và Sở Tư Pháp đã có công văn số 6084/STP-HT trả lời không lưu án thế vì khai sinh số hiệu 4479/NĐ phiên xử ngày 17/8/1966 của Tòa sơ thẩm Sài gòn.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B, bà Nguyễn Thị P không đồng ý và yêu cầu Tòa án bác đơn của bà B.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 265/2019/HNGĐ-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 88; khoản 2 Điều 89; Điều 92; khoản 2 Điều 101; Điều 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội; Luật Người cao tuổi; Luật Thi hành án Dân sự tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu hủy giấy khai sinh 142, quyển số 01/2000 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận Y, TpHCM ngày 23/8/2000 của bà Phạm Thị B.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc không công nhận bà Nguyễn Thị P là con ông Nguyễn Văn C.

Các bên đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cải chính tư pháp về cha đẻ của bà Nguyễn Thị P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 20/5/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị P nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo:

Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì bà Phạm Thị B không phải là người có quyền khởi kiện. Trong suốt quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn C không có ý kiến gì để không công nhận bà Nguyễn Thị P là con ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử công nhận bà P là con ông C.

- Luật sư bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì khi ông C chung sống với bà B tại tờ hôn thú ông C thừa nhận ông C và bà P có 03 người con là ông Q, ông T và bà V, bà P không được công nhận trong tờ hôn thú này.

Giấy khai sinh năm 2000 là do bà P tự khai, không có ý kiến của ông C.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần giải thích, hướng dẫn cho bà P làm xét nghiệm ADN nhưng bà P không đồng ý làm xét nghiệm này. Việc này thể hiện bà P đã từ chối quyền chứng minh mình có phải là con ông C hay không. Căn cứ Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 bà P không được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm, không chấp nhận đơn xin kháng cáo của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 2 Điều 89; Điều 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nhận thấy người khởi kiện trong vụ án này không phải là bà B mà là ông C. Ông C hiện đã chết và không phải là người khởi kiện trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Phạm Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về yêu cầu kháng cáo:

Theo Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định tại các Điều 89 và Điều 102 như sau:

Điều 89 quy định “.....Người được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó không phải là con mình”.

Điều 102 quy định “.....Cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án xác định con, cha, mẹ cho mình.....”.

Căn cứ vào các quy định nêu trên và các chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Văn C chết năm 2003, năm 2019 bà Phạm Thị B (vợ ông C) và là mẹ của bà Nguyễn Thị P với tư cách là nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định bà P không phải là con ông C.

Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị B về việc không công nhận bà Nguyễn Thị P là con ông Nguyễn Văn C là không đúng, vì chỉ có ông C mới có quyền yêu cầu Tòa án xác định bà P có phải là con mình hay không hoặc bà P mới có quyền yêu cầu Tòa án xác định ông C là

cha bà P. Trong vụ kiện này bà Phạm Thị B không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị P không phải là con ông Nguyễn Văn C.

Từ các chứng cứ và nhận định nêu trên, xét thấy đơn kháng cáo của bà P và lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Đương sự được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 293; Điều 296; khoản 4 Điều 308; Điều 311 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 89; Điều 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.
2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 265/2019/HNGĐ-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân thụ lý số 111/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23/9/2019 về “Tranh chấp xác định cha cho con” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B** – Sinh năm: 1926

Địa chỉ: phường T, Quận Y, TpHCM.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị P** - Sinh năm: 1956

Địa chỉ: phường T, Quận Y, TpHCM.

3. Về án phí: Đương sự được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận Y, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận Y, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên